

Bình Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2020

Số: 59 /TB-HĐ

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự phỏng vấn, Danh mục tài liệu phỏng vấn kỳ xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 2876/KH-UBND ngày 19/06/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020;

Căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020 (sau đây viết tắt là Hội đồng) thông báo danh mục tài liệu phỏng vấn kỳ xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020 với các nội dung như sau:

I. Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự phỏng vấn

Triệu tập 82 thí sinh đủ điều kiện tham dự phỏng vấn kỳ xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự phỏng vấn được niêm yết trước phòng phỏng vấn và được sắp xếp theo lĩnh vực dự tuyển; đồng thời được đăng tải trên Website của Sở Nội vụ tại địa chỉ: <http://snvbinhduong.gov.vn>. Thí sinh tham gia dự tuyển cần phải xem kỹ danh sách, thông tin về ngày, giờ, địa điểm phỏng vấn.

II. Danh mục tài liệu phỏng vấn

(Có bảng chi tiết kèm theo)

III. Thời gian, địa điểm phỏng vấn

1. Thời gian phỏng vấn: Ngày 28/12/2020.

Lịch phỏng vấn cụ thể do Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo và niêm yết tại Trường.

Đề nghị tất cả các thí sinh có mặt trước giờ phỏng vấn 30 phút.

2. Địa điểm phỏng vấn

Trường Đại học Thủ Dầu Một (Số 06, đường Trần Văn Ơn, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Đề nghị tất cả các thí sinh phải có mặt đúng thời gian và địa điểm quy định để tham gia kỳ phỏng vấn đạt kết quả tốt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Trường ĐH Thủ Dầu Một;
- Website SNV;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Nguyễn Văn Minh
GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ**



PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHÒNG VẤN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số 59 /TB-HĐ ngày 23 / 12/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020)

Các thí sinh tham gia phỏng vấn sẽ trả lời 02 câu hỏi: **01 về Kiến thức chung và 01 câu về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ** của vị trí việc làm cần tuyển. Các thí sinh cần xem danh sách nôm yết để biết mình dự tuyển thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ nào để ôn tập cho phù hợp.

Thí sinh được lần lượt bốc thăm câu hỏi và có 05 phút chuẩn bị. Thời gian trình bày và trả lời câu hỏi của Giám khảo từ 05-10 phút.

Cụ thể nội dung ôn tập như sau:

Câu 1: Kiến thức chung

TT	Vị trí tuyển dụng	Tài liệu, văn bản	Ghi chú
1	Toàn bộ các Vị trí việc làm	- Luật Viên chức năm 2010: Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 25, Điều 27, Điều 29, Điều 31, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 49, Điều 52, Điều 56, Điều 58. - Luật sửa đổi một số điều Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019: Điều 2 sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 29, Điều 41, Điều 56 Luật Viên chức năm 2010	

Câu 2: Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

Bao gồm sự nghiệp khác và sự nghiệp y tế, chia làm các lĩnh vực cụ thể như sau:

TT	Vị trí tuyển dụng	Tài liệu, văn bản	Ghi chú
1	Giảng viên chương trình Thiết Kế Đồ họa	1. Đặng Thị Bích Ngân (chủ biên)(2002), <i>Thuật ngữ mỹ thuật</i>, Nxb Giáo dục. 2. Nguyễn Trân (1995), <i>Nghệ thuật đồ họa</i>, Nxb Mỹ Thuật. 3. Nguyễn Xuân Phong (2002), <i>Cơ sở lý thuyết đồ họa</i>, Nxb Thanh Niên. 4. Huỳnh Văn Mùi (2018), <i>Nguyên Lý Thị Giác</i>, Nxb Mỹ Thuật.	
2	Giảng viên CTĐT An toàn thực phẩm và đảm bảo chất lượng thực phẩm	1. Kiều Hữu Ảnh (2012). <i>Giáo trình vi sinh vật học thực phẩm</i>. Hà Nội: Giáo dục Việt Nam. 2. Spink, J. (2019). <i>Food fraud prevention</i>. Springer New York. 3. Hà Duyên Tư và cộng sự (1996). <i>Giáo trình Quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm</i>. ĐHBK Hà Nội. 4. Motarjemi, Y., & Lelieveld, H. (Eds.). (2013). <i>Food safety management: a practical guide for the food industry</i>. Academic Press. 5. Chen, H., Liu, S., Chen, Y., Chen, C., Yang, H., & Chen, Y. (2020). Food safety management systems based on ISO 22000: 2018 methodology of hazard analysis compared to ISO 22000: 2005. <i>Accreditation and Quality Assurance</i>, 25(1), 23-37. 6. Lê Ngọc Tú (2006). <i>Độc tố học và an toàn thực phẩm</i>. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Hà Nội. 7. TCVN 9712:2013 (CAC/RCP 51-2003), <i>Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm thiểu sự nhiễm độc tố vi nấm trong ngũ cốc</i>.	
3	Giảng viên CTĐT Công	1. Hoàng Kim Anh (2007). <i>Hóa học thực phẩm</i>. Nhà xuất bản Khoa học-kỹ thuật. 2. Đồng Thị Anh Đào (2005), <i>Kỹ thuật bao bì thực phẩm</i>, NXB Đại học Quốc gia, TP Hồ Chí Minh.	

	nghệ thực phẩm	3. Đỗ Văn Chương, Nguyễn Thị Hiền, Bùi Trần Nữ Thanh Việt (2010), <i>Phụ gia và bao bì thực phẩm</i>, NXB Lao Động. 4. Lê Văn Việt Mẫn. (2006). <i>Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống pha chế, Tập 1: Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa</i>, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh. 5. Lê Ngọc Tú (2006). <i>Độc tố học và an toàn thực phẩm</i>. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Hà Nội. 6. Kotilainen, L., Rajalahti, R., Ragasa, C., & Pehu, E. (2006). <i>Health enhancing foods: opportunities for strengthening developing countries</i> (No. 37067, p. 1). The World Bank. 7. Nishida, C., & Nocito, F. M. (2007). FAO/WHO scientific update on carbohydrates in human nutrition: introduction. <i>European journal of clinical nutrition</i>, 61(S1), S1. 8. Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2006). <i>Hóa sinh học</i>, NXB. Giáo dục.	
4	Giảng viên chương trình Toán	1. Giáo trình liên quan đến chương trình đại số và giải tích bậc đào tạo đại học. 2. Các chương trình đào tạo cho chuyên ngành toán và không chuyên ngành toán của các trường đại học	
5	Giảng viên chương trình Quản lý Tài nguyên môi trường và đất đai	1. Nguyễn Thị Vân Hà, Giáo trình quản lý môi trường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM 2. Lương Văn Hình, Giáo trình qui hoạch sử dụng đất đai, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội 3. Nguyễn Khắc Tháo Sơn, Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội	
6	Giảng viên Khoa học môi trường	1. Chế Đình Lý (2011). <i>Quản lý môi trường – Phương pháp và Công cụ</i>. Nhà Xuất bản Đại học Quốc Gia Tp HCM. 2. Lê Trình (2015). <i>Đánh giá tác động môi trường và xã hội các dự án đầu tư trong nước và quốc tế</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật.	

		3. Lê Thị Hồng Trân (2008). <i>Thực thi hệ thống quản lý môi trường ISO 14001</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh 4. Trịnh Xuân Lai (2003). <i>Xử lý nước thải công nghiệp</i>. . Nxb Xây dựng HN 5. Lâm Minh Triết (2006). <i>Tính toán thiết kế công trình xử lý nước thải</i>. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh 6. Nguyễn Văn Phước (2008). <i>Giáo trình kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp</i>. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản xây dựng. 7. Nguyễn Hồng Khánh, (2003). <i>Giám sát môi trường nền không khí và nước, lý luận và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam</i>. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.	
7	Giảng viên Luật	1. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật</i> (2017), Nxb. Tư pháp. 2. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, <u>Tập bài giảng Lý luận về pháp luật</u> (2017), NXB Hồng Đức. 3. Luật giao thông đường bộ năm 2018 4. Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. 5. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 6. Nghị quyết 03/2015/NQ- HĐTP ngày 28/10/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.	
8	Giảng viên Quản lý nhà nước	1. Học viện Hành chính, <i>Giáo trình Lý luận hành chính nhà nước</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, H.2010. 2. Học viện Hành chính, <i>Giáo trình Hành chính công</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, H.2008. 3. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, Nxb Công an nhân dân, H.2017. 4. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013. 5. Luật Tổ chức quốc hội 2014. 6. Luật Tổ chức chính phủ 2015.	

		7. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.	
9	Giảng viên Quản lý giáo dục	1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư 14/2018/BGD-ĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 ban hành qui định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư 20/2018/BGD-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành qui định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. 4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 32/2018/BGD-ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông. 5. Quốc hội, Luật Giáo dục đại học 2012, sửa đổi 2018 6. Quốc hội, Luật Giáo dục 2019	
10	Giảng viên ngành du lịch	1. Luật Du lịch 2017 2. Quyết định số 201/QĐ-TTg về Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” 3. Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 15/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch 4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ban hành ngày 25/11/2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch 5. Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn 6. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 7. Quyết định phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 8. Quyết định về việc ban hành Bộ Quy tắc Ứng xử văn minh du lịch	
11	Giảng viên chương trình Quốc tế học	1. Hoàng Khắc Nam, 2011, Quyền lực trong Quan hệ Quốc tế, lịch sử và vấn đề, Nxb Văn hóa Thông tin. 2. Nguyễn Quốc Hùng - Hoàng Khắc Nam, 2006, Quan hệ quốc tế, những khía cạnh lý thuyết, Nxb Chính trị Quốc gia. 3. Đoàn Văn Thắng, 2003, Quan hệ quốc tế, các phương pháp tiếp cận, Nxb thống kê, HN.	

		4. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2005), Lịch sử Quan hệ quốc tế. Tập I, H- Giáo dục. 5. Paul R.Viotti – Mark V. Kauppi, Lý luận Quan hệ quốc tế, HV QHQT, Hà Nội – 2001. 6. Viện Quan hệ quốc tế – HV CTQG TP. HCM, Giáo trình Quan hệ quốc tế, NXB Lý luận chính trị – 2005. 7. Nguyễn Vũ Tùng –Hoàng Anh Tuấn, Quan hệ đối tác chiến lược trong Quan hệ quốc tế từ lý thuyết đến thực tiễn, HV QHQT, Hà Nội – 2006. 8. Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến, Góp phần nhận thức Thế giới đương đại, NXB CTQG, HN – 2003 9. Trình Mưu –Vũ Quang Vinh, Quan hệ quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI – Vấn đề, sự kiện và quan điểm, NXB Lý luận chính trị, HN – 2005.	
12	Giảng viên Chương trình Kỹ nghệ gỗ	1. KS. Nguyễn Tôn Quyền - Chủ biên, (2006), <i>Cẩm nang ngành lâm nghiệp</i>, Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác 2. Bộ Lâm Nghiệp, QĐ. Số: 2198-CNR, ngày 26 tháng 11 năm 1977, Hà Nội.	
13	Giảng viên Chương trình Kiến trúc	1. Luật Kiến trúc, Số 40, năm 2019, Quốc hội Nước CHXHCNVN lần thứ 14. 2. Luật Di sản văn hóa Việt Nam, năm 2001, Quốc hội Nước CHXHCNVN lần thứ 10 3. Luật Nhà ở, số 65, năm 2014, Quốc hội Nước CHXHCNVN lần thứ 13 4. GS.TS.KTS. Hoàng Đạo Kính, (2012), Văn hóa Kiến trúc, nxb Tri thức, Hà Nội 5. Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972, <i>Đại hội Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp Quốc họp tại Paris từ 17 tháng 10 đến 21 tháng 11 năm 1992, kỳ họp lần thứ 17.</i>	
14	Giảng viên Chương trình Quản lý đô thị	1. Luật Quy hoạch đô thị, Số: 30, năm 2009, Quốc hội Nước CH.XHCNVN lần thứ 12 2. Luật Nhà ở, Số: 56, năm 2005, Quốc hội Nước CH.XHCNVN lần thứ 11 3. GS.TS.Nguyễn Đình Hương, năm 2003, Giáo trình Quản lý Đô thị, NXB Thống kê, Hà Nội.	
15	Giảng viên Chương	1. Luật số: 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 2. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 3. Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018	

	trình Kế toán	4. Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 5. Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	
16	Giảng viên Chương trình Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	1. TS. Đinh Bá Hùng Anh, (2017), Quản trị Chuỗi cung ứng, NXB Kinh tế TP. HCM. 2. TS. Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2016), Quản trị Logistics, NXB Lao động – xã hội. 3. TS. Nguyễn Thành Hiếu (2015). Quản trị chuỗi cung ứng. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.	
17	Giảng viên Chương trình Quản lý công nghiệp	1. Trịnh Thùy Anh, 2011. <i>Cẩm nang Quản trị dự án</i>. NXB Thống Kê, TP. HCM. 2. Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt, 2016. <i>Marketing B2B- Marketing khách hàng tổ chức</i>, NXB Tài chính 3. Đồng Thị Thanh Phương, 2012. <i>Giáo trình quản trị doanh nghiệp</i>. NXB LĐ & XH	
18	Giảng Viên Chương trình Quản trị kinh doanh	1. Đồng Thị Thanh Phương(2009). <i>Quản trị Hành chánh Văn Phòng</i>. NXB Thống Kê 2. Nguyễn Hữu Thân (2004). <i>Quản trị Hành Chánh văn Phòng</i>. NXB Thống Kê 3. Philip Kotler (2007). <i>Marketing căn bản</i>. Hà Nội: NXB Lao động xã hội Hà Nội. 4. A.H. Maslow (1943). <i>A Theory of Human Motivation</i>, Psychological Review 50	
19	Giảng viên chương trình Tài chính ngân hàng	1. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12. Ngày 16/06/2010, và luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 2. Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 3. Nghị định 101/2012/NĐ-CP về Thanh toán không dùng tiền mặt và NĐ 80/2016/NĐ-CP sửa bổ sung NĐ 101/2012/NĐ-CP về Thanh toán không dùng tiền mặt. 4. Thông tư Số: 02/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài	

		khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. 5. Luật Ngân hàng nhà nước số: 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010	
20	Giảng viên chương trình kỹ thuật điện – điện tử	1. Tài liệu quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 của Thủ tướng chính phủ (QĐ số 1208/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 07 năm 2011 và QĐ số 428/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 03 năm 2016) 2. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 09 năm 2019 của bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. 3. Nguyễn Thị Phương Hà (cb) – Huỳnh Thái Hoàng, <i>Lý thuyết điều khiển tự động</i>, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP HCM, 2016 4. Trần Tùng Giang – Lê Thị Thanh Hoàng, <i>Mạch điện</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM, 2013 5. Quyền Huy Ánh, <i>An toàn điện</i>, Nhà xuất bản đại học Quốc gia TP HCM, 2013	
21	Giảng viên nhóm ngành Công nghệ thông tin	1. Jeyakumar, G.; Subashri, V.; Vasudevan, Shriram K.; Nair, Prashant R, Software engineering, Alpha Science International Limited, 2017 2. Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT quy định chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp. 3. GS. Phạm Văn Ất, Lê Trường Thông (2015 (Tái bản)), Giáo trình C++ & Lập trình hướng đối tượng, NXB Bách Khoa Hà Nội	
22	Giảng viên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử	1. Theo Luật giáo dục đại học, đảm bảo chuẩn chất lượng theo quyết định số: 769/QLCL-KĐCLGD thuộc cục quản lý chất lượng giáo dục ngày 20 tháng 4 năm 2018. 2. Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.	
23	Nghiên cứu viên	1. Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT quy định chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp. 2. Tom Mitchell, [1997], Machine Learning. McGraw-Hill Press, USA 3. Stuart Russell, Peter Norvig, [2005], Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3rd edition. Published by Pearson, USA.	

		4. Vũ Cao Đàm. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.	
24	Giảng viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	1. Theo Luật giáo dục đại học, đảm bảo chuẩn chất lượng theo quyết định số: 769/QLCL-KĐCLGD thuộc cục quản lý chất lượng giáo dục ngày 20 tháng 4 năm 2018. 2. Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.	
25	Giảng viên ngành Trí tuệ nhân tạo và Hệ thống thông tin	1. Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT quy định chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp. 2. Tom Mitchell, [1997], Machine Learning. McGraw-Hill Press, USA 3. Stuart Russell, Peter Norvig, [2005], Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3rd edition. Published by Pearson, USA.	
26	Giảng viên Chương trình Ngôn ngữ Anh	Jack C. Richards, J.C. & Rodgers, T.S. (1999, 2005), <i>Approaches and Methods In Language Teaching</i>, CUP. Doff, A. (1995), <i>Teach English</i>, CUP. Bloom's Taxonomy, retrived from https://cft.vanderbilt.edu/guides-sub-pages/blooms-taxonomy/, 5th Oct., 2020.	
27	Giảng viên Chương trình Ngôn ngữ Trung Quốc	邢福义《现代汉语》，华中师范大学出版社，2006年。 吕叔湘《现代汉语八百词》，商务印书馆，2004年。	